

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 18/TC-TCĐN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 1994

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sử dụng việc quản lý và sử dụng vốn vay nước ngoài của Chính phủ

Vay nước ngoài của Chính phủ là các khoản vay do Chính phủ vay và cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ với nước ngoài hoặc các khoản vay do Chính phủ uỷ quyền cho các doanh nghiệp vay hộ, được Bộ Tài chính hoặc Ngân hàng Nhà nước bảo lãnh.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện cơ chế quản lý và sử dụng vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo các quy định tại chương II của Nghị định số 58/CP ngày 30- 8-1993 như sau:

I. CÁC THỦ TỤC ĐỐI NGOẠI CẦN THỰC HIỆN ĐỂ RÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

1. Ký kết các hiệp định, hợp đồng vay của Chính phủ:

Việc ký kết các hiệp định, hợp đồng vay của Chính phủ được tiến hành trên cơ sở các kế hoạch tổng hạn mức vay hàng năm được Chính phủ duyệt. Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ ký các hiệp định, hợp đồng vay.

Nếu hiệp định, hợp đồng vay được giao cho một cơ quan khác của Chính phủ đứng ra đàm phán với nước ngoài, thì cơ quan này phải thống nhất với Bộ Tài chính về các điều kiện vay, trả cũng như nội dung hiệp định vay để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính thức và cho phép ký hiệp định, hợp đồng vay trước khi ký với Bên cho vay.

Bản gốc các hiệp định, hợp đồng vay phải được gửi tới Bộ Tài chính chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày ký chính thức. Nếu là vay ODA thì Bộ Ngoại giao gửi bản sao hiệp định gốc cho Bộ Tài chính chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan ký vay nộp bản gốc cho bộ Ngoại giao lưu giữ.

Các doanh nghiệp không được tự động liên hệ hoặc thoả thuận với phía nước ngoài đối với các khoản vay của Chính phủ đang trong quá trình đàm phán.

2. Thủ tục mua sắm, thuê thầu xây lắp, thuê tư vấn... bằng vốn vay (dưới đây gọi tắt là thủ tục mua sắm):

Theo thông lệ quốc tế và tùy theo quy mô của dự án vay, việc mua sắm có thể thực hiện theo một trong các phương thức chủ yếu sau đây:

2.1. Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (International Competitive Bidding) là phương thức được thực hiện phổ biến nhất hiện nay đối với việc mua sắm từ nguồn vốn vay của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế (IMF, WB, ADB...) và các cơ quan viện trợ phát triển chính thức của các Chính phủ.

Các tổ chức cho vay thường cho áp dụng các điều kiện ưu đãi đối với các nhà thầu và các nhà cung cấp của nước vay tiền nếu như bên vay áp dụng phương thức đấu thầu cạnh tranh quốc tế.

2.2. Đấu thầu quốc tế hạn chế (Limited International Bidding): Tổ chức việc đấu thầu cũng giống phương thức trên nhưng việc mời thầu được hạn chế trực tiếp với một số nhà thầu (kể cả trong và ngoài nước), không thông qua việc quảng cáo mời thầu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phương thức này chủ yếu được áp dụng trong các trường hợp mua sắm nhỏ, hoặc hạn chế các nhà cung cấp hoặc các hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu. áp dụng phương thức này thường không có quy chế ưu đãi các nhà thầu và cung cấp nội địa.

2.3. Mua sắm quốc tế (International shopping) không mở thầu mà căn cứ vào các bảng giá được các nhà cung cấp (cả trong và ngoài nước) gửi để chọn (tối thiểu phải từ 3 nhà cung cấp trở lên) để bảo đảm việc mua sắm đạt được giá cả cạnh tranh.

Phương thức này thường được áp dụng trong việc mua sắm bổ xung một số trang thiết bị, hạng mục đã đấu thầu, hoặc hàng hoá đó chỉ duy nhất có một người cung cấp, hoặc yêu cầu cung cấp nhanh một loại hàng hoá đặc biệt nào đó...

2.4. Hợp đồng trực tiếp (Direct Contracting).

Phương thức này chủ yếu được áp dụng cho các trường hợp mua bán nhỏ, thời gian gấp, hoặc mua bổ xung hàng hoá thiết bị...

Việc tổ chức mở thầu hoặc mua sắm trực tiếp do cơ quan chủ quản dự án chỉ đạo cơ quan thực hiện dự án (dưới đây gọi tắt là chủ dự án) thực hiện phù hợp với thông lệ quốc tế, với các điều

khoản trong hiệp định, hợp đồng vay vốn và quy chế mở thầu, mua sắm hiện hành ở trong nước.

Ngoài việc thực hiện các yêu cầu và điều kiện về phương thức mua sắm đã thoả thuận với bên cho vay, các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp được giao thực hiện dự án vay cần lưu ý: Các hợp đồng thương mại nhập khẩu máy móc thiết bị... bằng nguồn vốn vay phải thực hiện đúng thủ tục phê duyệt hợp đồng đã được quy định trong Quyết định số 91-TTg ngày 13-11-1992 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 4-TM/ĐT ngày 30-7-1993 của Bộ Thương mại.

Trước khi đấu thầu hoặc đàm phán hợp đồng thương mại cần phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và các cơ quan liên quan để thành lập Hội đồng đấu thầu, xác định các nguyên tắc mở thầu, tổng dự toán hoặc giá chuẩn cho từng công trình (nếu là đấu thầu công trình hoặc giá cả và các điều kiện mua sắm hàng hoá, thiết bị mua bằng vốn vay theo đúng các quy định tại Quy chế đấu thầu quốc tế do Chính phủ phê duyệt.

Nhất thiết phải thực hiện các thủ tục bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Performance Bonds) bảo chứng đặt tiền cọc (Advance Payment Guarantees) đối với các hợp đồng xây lắp, thiết bị toàn bộ.

3. Thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan trong việc rút vốn vay.

Việc rút vốn vay được thực hiện phù hợp với các điều khoản của hiệp định, hợp đồng vay vốn, các quy định trong thoả ước Ngân hàng do các Ngân hàng được uỷ quyền đã ký kết và các quy định trong Thông tư này.

3.1. Thủ tục rút vốn vay bằng ngoại tệ (tiền mặt): Việc rút vốn vay bằng ngoại tệ sẽ do Bộ Tài chính thực hiện hoặc uỷ nhiệm cho các Ngân hàng Thương mại được chọn hoặc doanh nghiệp đứng ra vay hộ được thực hiện thông qua hệ thống Ngân hàng. Ngoại tệ được chuyển vào tài khoản quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước.

3.2. Thủ tục rút vốn thanh toán.

Theo thông lệ quốc tế, thường có 4 hình thức rút vốn vay thanh toán cơ bản dưới đây, mà bên vay vốn có thể áp dụng một hoặc nhiều phương thức kết hợp trong một dự án vay, phù hợp với quy định trong hợp đồng, hiệp định vay ký với nước ngoài (xem hướng dẫn cụ thể tại các phụ lục 1, 2, 3, 4 đính kèm).

Các chủ dự án muốn rút tiền vay để thanh toán cho người bán hàng hoặc cho tổ chức nhận thầu phải gửi bản đề nghị thanh toán và các chứng từ kèm theo (quy định ở mục 3.3 dưới đây) cho Bộ Tài chính và được xác nhận của Bộ Tài chính trước khi rút vốn. Trong thời gian chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ dự án, Bộ Tài chính sẽ có ý kiến chính thức để chủ dự án kịp thời làm các thủ tục rút vốn gửi cho Bên cho vay.

Trong trường hợp chủ dự án rút vốn trực tiếp thì phải có giấy uỷ nhiệm của Bộ Tài chính.

a) Thanh toán trực tiếp (Direct Payment).

Theo hình thức, bên vay có thể yêu cầu bên cho vay thanh toán trực tiếp cho người cung cấp hàng. Bên vay phải chỉ rõ trong đơn xin rút vốn vay ngày đến hạn phải thanh toán với người cung cấp hàng. Hình thức này nói chung thích hợp với việc thanh toán theo tiến độ thi công các công trình xây lắp lớn, các chi phí về tư vấn và các khoản chi nhập khẩu nhỏ, gọn không cần thiết phải mở thư tín dụng. Cơ quan thực hiện dự án vay (dưới đây gọi tắt là chủ dự án) được Bộ tài chính uỷ nhiệm lập các đơn xin rút vốn vay và chứng từ thanh toán để chuyển cho bên cho vay.

Khi nhận được thông báo để thanh toán của bên cho vay gửi trở lại phải kiểm tra, xác nhận và gửi cho Bộ Tài chính (bản sao) để theo dõi quá trình rút vốn và nhận nợ với nước ngoài.

b) Thủ tục hoàn vốn (Reimbursement Procedure).

Phía bên vay đã thanh toán trước các chi phí phát sinh cho người nhận thầu và người cung cấp bằng vốn của mình, sau đó mới đề nghị phía cho vay hoàn lại các khoản đã chi bằng nguồn vốn vay. Hình thức này thường được áp dụng để hoàn vốn cho các khoản chi tiêu bằng nội tệ trả cho các nhà thầu và cung ứng hàng hoá, hoặc các khoản mua sắm, chi phí xây lắp nhỏ, lật vật mà người vay đã ứng ra chi trước.

Chủ dự án được Bộ Tài chính uỷ quyền có trách nhiệm làm các đơn xin hoàn lại vốn, cũng như các chứng từ chứng minh đã thanh toán cho người nhận thầu và cung cấp hàng hoá để gửi cho bên cho vay. Các thủ tục thanh toán và hoàn vốn được thực hiện qua một Ngân hàng Thương mại được Bộ tài chính và Ngân hàng Nhà nước chỉ định và thông báo với phía cho vay.

Chủ dự án phải mở tài khoản riêng để theo dõi các chi phí đã ứng trước, đồng thời căn cứ vào báo có của bên cho vay (đã hoàn trả vốn) để lập các báo cáo chi và thu hoàn vốn gửi cho Bộ

Tài chính và Ngân hàng Thương mại được chọn.

c) Thủ tục cam kết (Commitment procedure).

Thủ tục cam kết được áp dụng rộng rãi trong việc thanh toán hàng nhập khẩu bằng thư tín dụng thương mại (L/C). Thư tín dụng do bên vay mở tại các Ngân hàng của nước cung cấp hàng phải được phía cho vay cam kết thanh toán bằng một thư cam kết (Commitment letter).

Thực hiện hình thức này, chủ dự án được Bộ Tài chính uỷ nhiệm phối hợp với Ngân hàng Thương mại phục vụ mình mở các thư tín dụng theo hợp đồng thương mại đã ký, đồng thời yêu cầu bên cho vay có thư cam kết việc thanh toán các thư tín dụng đã mở.

d) Quỹ tạm ứng (Imprest Fund) hay còn được gọi là "Tài khoản đặc biệt" (Special account).

Bên cho vay sẽ ứng cho bên vay một khoản tiền ứng trước và có thể được bổ xung để thực hiện thanh toán cho các hoá đơn xây lắp hoặc hoá đơn cung cấp có số tiền nhỏ hoặc các chi phí ngoại tệ liên quan đến dự án vay như tư vấn đào tạo, vé máy bay, học bổng, chi phí khác...

Bộ Tài chính hoặc chủ dự án do Bộ Tài chính uỷ nhiệm làm thủ tục đề nghị bên cho vay thực hiện các thủ tục để lập quỹ tạm ứng (gồm khoản tạm ứng lần đầu, thủ tục thanh toán và bổ sung tài khoản tạm ứng tiếp sau) và mở một tài khoản riêng tại Ngân hàng để hạch toán (gọi là tài khoản tạm ứng hay tài khoản đặc biệt) để nhân tiền tạm ứng, chi tiêu và quyết toán riêng tài khoản này với bên cho vay.

Nếu chủ dự án được Bộ Tài chính uỷ nhiệm đứng tên làm chủ tài khoản này, thì phải có trách nhiệm thường xuyên gửi các báo cáo về rút vốn, chi tiêu của tài khoản gửi cho Bộ Tài chính.

3.3. Các thủ tục, chứng từ để thực hiện việc rút vốn vay.

Chủ dự án ngoài việc làm đơn xin rút vốn vay, phải gửi kèm các chứng từ có liên quan đến việc thanh toán bằng vốn vay, phù hợp với quy định của hợp đồng vay đã ký.

Các chứng từ thường được gửi kèm với đơn xin rút vốn cho bên cho vay là:

Hợp đồng thương mại.

Hoá đơn hàng hoá hoặc hoá đơn tư vấn, hoặc báo cáo tổng hợp khối lượng công việc đã hoàn thành do cơ quan giám định có thẩm quyền cấp.

Vận tải đơn hoặc phiếu gửi hàng.

Chứng từ đã thanh toán (trong trường hợp thực hiện phương thức hoàn vốn) có thể là hoá đơn đã nhận hàng hoặc báo cáo thanh toán của Ngân hàng phục vụ bên vay.